

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 223/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2023

Về việc: “Xin ly hôn...” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Tâm và Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Trọng Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2023, về việc: “Xin ly hôn, chia tài sản chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2023/QĐST – NHGD, ngày 05 tháng 7 năm 2023; của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đào Văn H, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Nguyễn Thị Thanh Th1, sinh năm 1997, có mặt.

Địa chỉ: Thôn L2, xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại các bản khai và tại phiên tòa Nguyên đơn anh Đào Văn H trình bày: Giữa anh với chị **Nguyễn Thị Thanh Th1 do mai mối và tự nguyện** đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph vào ngày 26-9-2022. Vợ chồng chung sống với nhau được 05 tháng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng xung đột nguyên nhân do vợ anh mang vàng cưới về nhà mẹ đẻ mà không nói anh tiếng nào, sau đó anh lên nhà vợ hỏi việc vợ mang vàng đi, anh cũng nói vợ về nhưng vợ anh không chịu về. Anh biết mình có lỗi nên có năn nỉ để chị Th1 về nhưng chị Th1 vẫn kiên quyết không về, cha mẹ vợ cũng không muốn cho chị Th1 về chung sống với anh. Nhiều lần gia đình anh cũng lên để xin Lỗi để chị Th1 về nhưng chị Th1 và gia đình chị Th1 không đồng ý. Vì vậy nay anh xin ly hôn chị Th1. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng anh được gia đình anh đi cưới 6 chỉ vàng y, cha mẹ vợ cho 2 chỉ

vàng y, phía dòng họ của anh cho 1 chỉ vàng y, tổng cộng 09 chỉ vàng 24k, hiện anh đang giữ 1chỉ, còn chị Th1 giữ 08 chỉ vàng 24k, nên anh yêu cầu chia đôi số vàng này. Vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh H không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Thanh Th1 có bản khai và tại phiên tòa chị Th1 trình bày: Chị Th1 thống nhất ý kiến của anh H về quá trình kết hôn và đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, do anh H không có tình thương yêu với chị, anh H chỉ nghĩ đến việc giữ vàng. Nay anh H xin ly hôn thì chị Th1 đồng ý ly hôn. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung là 09 chỉ vàng cưới 24K 97% như anh H khai, chị giữ 08 chỉ, anh H giữ 01 chỉ. Phần chị giữ là vàng cưới cha mẹ chồng và cha mẹ chị đi cưới chị là cho vợ chồng chị, sau khi anh H bỏ chị thì chị đã về nhà cha mẹ ở chị bán vàng để đi khám chữa bệnh nếu có con chung với anh H thì chị phải xử lý, chị còn bán vàng cũng bán lấy tiền ăn uống và mua sắm quần áo, vì cha mẹ chồng không cho lấy quần áo về, vì vậy chị không đồng ý chia. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị Th1 không khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55,59 Luật Hôn nhân và Gia đình của Luật hôn nhân và gia đình: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Th1. Về quan hệ nuôi con chung: không xét. Về quan hệ tài sản chung: anh H và chị Th1 khai có tài sản chung 09 chỉ vàng nên đề nghị chia đôi, về nợ chung không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh Th1 cư trú tại Thôn Lộc Ngãi, xã Phước Quang, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Văn H thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa anh Đào Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh Th1 do mai mối và tự nguyện kết hôn

từ năm 2022, có đăng ký kết hôn số 101 ngày 26-9-2022 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa anh H và chị Th1 là hợp pháp. Theo anh H và chị Th1 khai trong thời gian sống chung vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng mâu thuẫn do việc vợ chồng không thống nhất việc giữ vàng và không sống chung đã hơn 05 tháng. Nay anh H yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn thì chị Th1 đồng ý. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh H và chị Th1.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Anh H và chị Th1 không có con chung nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị Th1 khai có tài sản chung là 09 chỉ vàng 24k 97% do anh H giữ 01 chỉ, chị Th1 giữ 08 chỉ, nay ly hôn anh H yêu cầu chia đôi nhưng chị Th1 không đồng ý. Tuy nhiên 09 chỉ vàng này cả anh H và chị Th1 đều xác định là tài sản chung do cha mẹ và gia đình hai bên cho vợ chồng anh chị. Việc chị Th1 khai rằng chị đã bán 08 chỉ vàng để chữa bệnh và mua quần áo cũng như ăn uống hết mà không báo cho anh H, trong khi chị Th1 không xuất trình chứng cứ về khám chữa bệnh, cũng như việc chị Th1 bán vàng cưới chỉ để phục vụ nhu cầu cá nhân của chị Th1. Nên nay anh H yêu cầu chị Th1 chia đôi số tài sản chung trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy buộc chị Th1 có trách nhiệm giao lại cho anh H 3,5 chỉ vàng 24k. Về nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh H và chị Th1 mỗi người phải chịu 1.215.000đ án phí chia tài sản để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 750.000đ được khấu trừ vào án phí, nên anh H còn phải nộp 465.000đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 51, 55, 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Đào Văn H chị **Nguyễn Thị Thanh Th1**.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Không xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Xác định tài sản chung của anh H và chị Th1 là 09 (Chín) chỉ vàng 24k 97% do anh H giữ 01 chỉ vàng y 24K 97 %, chị Th1 giữ 08 chỉ vàng y 24K 97%.

Buộc chị Th1 giao lại cho anh H 3,5(Ba phẩy năm) chỉ vàng y 24K 97%

[4] Về án phí DSST: Buộc anh H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, buộc anh H và chị Th1 mỗi người phải chịu 1.215.000đ án phí chi tài sản để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 750.000đ theo biên lai thu tiền số 0001578, ngày 08-6-2023, số 0001529, ngày 10-5-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào án phí, nên anh H còn phải nộp 465.000đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 24 -7-2023)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .
- UBND xã Ph
- Số 101, ngày 26-9-2022)
- Lưu hồ sơ .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .
- UBND xã Phước Thành
- Số 11, ngày 28-01-2015)
- Lưu hồ sơ .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

